TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Hồng Thanh

Bà Phạm Tú Nhi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Trần Trọng An – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 260/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2023/QĐST- HNGĐ ngày 08/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Quách Văn D, sinh năm 1990; thường trú: Số 16.13 (số cũ C13.F16) khối chung cư C, khu nhà ở dịch vụ đa năng S, Quốc lộ 1A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Chị Trương Thị D, sinh năm 1989; thường trú: Số 16.13 (số cũ C13.F16) khối chung cư C, khu nhà ở dịch vụ đa năng S, Quốc lộ 1A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Quách Văn D trình bày:

Anh D và chị D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 207/2014 cấp 16/12/2014.

Sau khi kết hôn, anh D và chị D sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh một số mâu thuẫn nhưng vợ chồng không tự giải quyết

được. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong suy nghĩ, xử sự nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, tranh cãi gay gắt với nhau. Cuộc sống gia đình trở nên nặng nề, không còn tình cảm không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Những mâu thuẫn tranh cãi đó cũng đã được cha mẹ, gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng anh D và chị D vẫn không thể thuận hòa để chung sống với nhau được. Nay anh D xác định không còn tình cảm với chị D và đã sống ly thân từ tháng 02/2021 nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh D và chị D có 01 con chung là cháu Quách Công Chí K, sinh ngày 01/02/2016. Anh D đồng ý để chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quách Công Chí K, anh D cấp dưỡng nuôi cháu K 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú cho biết không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh D và chị D.

Chị Trương Thị D được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Anh D khởi kiện chị D yêu cầu được ly hôn, chị D hiện đang trú tại phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Chị D được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, anh D có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D và chị D theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh D và chị D tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 207/2014 cấp 16/12/2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị D là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng anh D xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và đã không sống chung từ tháng 02/2021 đến nay. Chị D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh D. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh D và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh D được ly hôn với chị D.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Quách Công Chí K, sinh ngày 01/02/2016. Theo bản tự khai bổ sung anh D đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con, anh D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Hiện tại cháu Kiên do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tòa án đã triệu tập yêu cầu chị D đưa con tới Tòa làm việc nhưng chị D vắng mặt. Theo bản tường trình của anh D, hiện cháu K đang ở cùng chị D, anh D nhiều lần tới thăm con nhưng chị D không cho gặp do đó anh D không thể đưa cháu tới Tòa án làm việc. Để cháu K ổn định cuộc sống cũng như việc học tập, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D đóng góp nuôi cháu K mỗi tháng 3.000.000đ. Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực tới khi cháu K đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Quách Văn D đối với bị đơn chị Trương Thị D về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Anh Quách Văn D được ly hôn với chị Trương Thị D (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 207/2014 do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2014).

- Về con chung: Giao con Quách Công Chí K, sinh ngày 01/02/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực tới khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau ly hôn, anh D và chị D có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000đ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0006596 ngày 28/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh D còn phải đóng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Thư

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.